TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 48/2026/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 17 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 50/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị D T T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu C, xã L, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T: Bà Phạm Thị Thắm -Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T.

- Bị đơn*:* Anh H H C, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu C, xã L, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anhC: Bà Hoàng Thị Hải- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Khoản 5 Điều 15 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị D T T và anh H H C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị D T T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu H T M , sinh ngày 23/8/2010 và H V A , sinh ngày 21/10/2018, kể từ khi ly hôn đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H H C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D T T do chị T tự nguyện không yêu cầu. Anh H H C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cấm, cản trở. Đối với

cháu Hà Bích Phượng đã thành niên (trên 18 tuổi), chị T, anh C không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị D T T và anh H H C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị D T T và anh H H C là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 6 – T;
- Phòng THADS Khu vực 6 – T;
- Thi hành án DS tỉnh T;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thảo